

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2020

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Cát Phương.

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 818/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “ Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Bà P, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được cấp

giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Dù đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Cuộc sống vợ chồng bế tắc, vợ chồng bà đã ly thân được 03 năm nay, bà về nhà mẹ ruột sinh sống còn ông H cùng 03 con hiện đang sinh sống tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông H có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 12/5/1996, cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 12/7/2005 và cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/10/2006. Bà đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 12/7/2005 và cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/10/2006 cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông và bà P đã ly thân được 03 năm nay. Tại phiên tòa, bà P yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận ông và bà P là vợ chồng, ông đồng ý.

- Về con chung: Giữa ông và bà P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 12/5/1996, cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 12/7/2005 và cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/10/2006. Ông đồng ý nuôi hai cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 12/7/2005 và cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/10/2006, không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Quốc T và cháu Nguyễn Thị Thu N có lời khai tại hồ sơ, thể hiện: Ba mẹ yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, các cháu không có ý kiến. Các cháu hiện đang sống cùng ba là ông Nguyễn Văn H và có nguyện vọng sống với ba. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà P, ông H là vợ chồng. Về con chung: Xử giao 02 con chung là cháu T và N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà P không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Văn H do ông bà chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông H cư trú tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim P, bị đơn là ông Nguyễn Văn H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P chung sống với ông Nguyễn Văn H từ năm 1995, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H, ông H đồng ý. Xét yêu cầu của bà P là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông H.

[3]. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà P và ông H, bà P đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 12/7/2005 và cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/10/2006 cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu T đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, bà P và ông H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Tài sản chung: Bà P, ông H đều khai không có nên không xét.

[5]. Nợ chung: Bà P, ông H đều khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Bà P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 12/7/2005 và cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/10/2006 cho ông H nuôi dưỡng. Tạm thời bà P không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009834 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà P, ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

